

# KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

## QUYỂN 2

Chính Ngài Chân-đế dịch ra kinh này, tên là kinh Kim Quang Minh Đế Vương, lại tự tóm tắt thí dụ giải thích đề mục. Văn có hai.

### **1. Giải thích:**

**Trình bày.** Có ba.

1) Nêu lên: Trong các sư ngài Chân-đế có hơn đôi chút, có thể dùng một thí dụ để dụ cho ba pháp môn, ba pháp mỗi pháp đều có ba.

2) Giải thích: ba pháp.

a) Giải thích ba thân: Ba thân trong kinh này cũng là Pháp thân, Báo thân và Ứng thân, hai và ba tuy tên gọi khác nhau nhưng nghĩa thì đồng. Thân thứ hai là Ứng thân, đây là trí mầu tương ứng với pháp, cùng nghĩa với báo thân; thân thứ ba là Hóa thân ứng theo căn cơ mà giáo hóa, đồng nghĩa với ứng thân.

b) Giải thích ba đức: Kim có bốn nghĩa, dụ cho Pháp thân có đủ bốn đức, mỗi pháp dụ cho tướng của nói rõ ràng. Quang và Minh mỗi thứ đều có hai nghĩa, dụ cho Bát-nhã và giải thoát, mỗi thứ đều có hai đức. Quang là xua tan tối tăm, Minh là không tối tăm, nghĩa có gì khác nhau? Quang có công năng xua tan tối tăm nên gọi là “trừ”, tối tăm không còn sinh, nên gọi là “không”, chính là dùng trừ tối dụ cho Bát-nhã dứt hoặc, không tối dụ cho giải thoát, các khổ lụy hết sạch. Việc này tuy Sư không nói nhưng ba đức đầy đủ lẫn nhau, lấy Dụ đối pháp, đều có lý do.

c) Giải thích ba vị: Lại dùng ba chữ dụ cho Chánh duyên liễu, là dùng Ba tánh đối với ba vị, văn nghĩa cũng rõ ràng.

3) Chọn lựa: Phân biệt ba thân: Pháp thân là tánh cho nên thuộc về thật, hai thân kia do tu tập mà thành nên không thật. Phân biệt ba đức: Pháp thân là thể chung nên có bốn đức, hai thân là tướng riêng, cho nên mỗi thân đều có hai đức.

Phân biệt ba vị: Chánh nhân là ở tánh cho nên vốn có, liễu nhân ở tu chứng cho nên hiện có, duyên nhân ở quả cho nên sẽ có.

**Bác bỏ:** Vì Chân-đế giải thích nghĩa khác với các Sư, lời nói quá lạm so với ở đây mức, lo cho người học sau không thấy lỗi mình, chấp trái là phải. Lại, muốn dùng nghĩa không dung thông ấy để nói lên sự luận bàn tròn mâu ở đây, cho nên bác bỏ.

Vấn: tương đối rộng, có hai phần:

Một là bác bỏ chung: Kia dùng ba thứ ba pháp để giải thích đề mục này cho nên nói ba ba. Đại sư xét định ba nghĩa bất liễu: 1. Nghĩa nhân quả; 2. Nghĩa viên biệt; 3. Nghĩa ba pháp tánh. Đã không thông suốt, lại trái ngược không xứng, nên nói bất liễu.

Hai là bác bỏ riêng: Có ba.

1. Nêu ba sai lầm.

2. Giải thích ba sai lầm. Có ba.

3. Hỏi đáp về ba nhân, ba đức: Không thông hiểu Nhân quả:

Hỏi: Ngài Chân-đế chỉ dùng ba nhân chia ra đối với ba vị, vì sao lại bác bỏ nói rằng, phân chia sắp xếp ba đức thiếu sót không đủ.

Đáp: Tất cả ba pháp chỉ có một ba pháp, vì đầy đủ các đức nên có nhiều tên gọi; thường lạc, ngã, tịnh do đó gọi là ba đức; đáng tôn đáng trọng nên gọi là ba ngôi báu; bất sinh bất diệt nên gọi là ba Niết-bàn, các pháp nhóm họp nên gọi ba thân; là hạt giống Như lai nên gọi ba nhân, ngay nơi sự hiểu lý cho nên gọi là ba đạo, pháp môn kia Thể vốn không riêng khác, nên chia ra ba nhân, tức là phân ra ba thân, ba đức. Hai tiết chú thích... Nay y theo Đại Kinh nói tướng Ba đức tồn tại lẫn nhau. Với Pháp thân thì nói, chính là pháp thân, chẳng phải pháp thân; pháp thân chắc chắn đầy đủ Bát-nhã, Giải thoát. Với Bát-nhã thì nói, chính là Bát nhã, chẳng phải Bát-nhã; Bát-nhã chắc chắn đầy đủ Giải thoát, pháp thân. Xét rằng Giải thoát hợp với Chú thích... so sánh với ở trên cho nên lược bỏ. Vì là giải thoát chẳng phải giải thoát, giải thoát chắc chắn đầy đủ Pháp thân, Bát-nhã. Kia đã phân chia đặt ra chính là khiến cho ba vị mỗi vị chỉ một đức, thì nhân không bao gồm quả, quả không bao gồm nhân, nên nói là không hiểu.

**Trước nêu sau bác bỏ:**

Trái với Viên, Biệt: Trước là nêu tướng bốn đức của Viên biệt, sau mới bác bỏ lỗi trái ngược. “Viên bốn đức”: Pháp thân chính là ba đức trong tánh, pháp thân là Thường, Ngã, vì là Bát-nhã cho nên Tịnh; Giải thoát cho nên Lạc, bốn đức này ở trong tánh nên chỉ gọi pháp thân. Toàn tánh phát tu chắc chắn thành ba trí, trí thâm kế hợp với tánh và

cũng giống như tánh có đủ bốn đức. Theo nghĩa soi sáng chỉ gọi Bát-nhã, trí hợp với tánh cho nên giải thoát ứng với căn cơ, đã toàn tánh khởi thì chắc chắn thành ba giải thoát, cho nên đồng với tánh có đủ bốn đức. Theo nghĩa khởi dụng chỉ gọi giải thoát, Bát-nhã kế hợp với tánh, giống như tánh có đủ bốn. Tướng ấy dễ biết cho nên không trình bày riêng.

Giải thoát ứng theo căn cơ khởi thành dụng bên ngoài, giống như tánh có đức, tướng kia khó hiểu, vì thế nay nêu riêng. Quả tức là hai tử, thoát được khổ này gọi là đức Lạc. Nhân tức là năm trụ, thoát khỏi nhiệm này gọi là Đức Tịnh. Không bao giờ còn hai tánh trói buộc liền được tự tại, nên gọi là ngã đức. Nhân hoặc quả chết là pháp sinh diệt, xưa nay giải thoát chẳng do nhân quả này, nên gọi là đức Thường. Tuy là lìa trói buộc nói bốn đức này, nhưng trói buộc vốn không, nên bốn đức hoàn toàn giống với tánh. Phân biệt bốn đức, nói theo ba thân thì pháp thân đầy đủ hai đức, Thường tức là đức Thường, Thật: tức là ngã, pháp chắc thật, mới có nghĩa chủ thể và tự tại, đó là chân ngã đức... Ứng thân có trí tuệ chiếu phá các hoặc nhiễm nên có Đức Tịnh; Hóa thân Tam-muội tức là Thủ-lăng-nghiêm, hiện đủ các sắc thân trừ khổ ban vui gọi là Đức Lạc. “Biệt” là giáo đạo cho nên dùng ba thân đối với bốn đức.

Ở đây nói Viên, Biệt mỗi giáo có bốn đức, do hai Giáo này, nên thường không khác với bộ, nghe nói ba thân có đủ bốn đức, là ý sai lầm vậy. Chia cách ra mà hiểu thì tức là Biệt giáo hiểu được ý kia là hiểu có đủ lẫn nhau gọi là Viên giáo. Biết mỗi thân đều tức là ba thân, vì thế mỗi thân đều có bốn đức. Nếu ba thân không chứa bốn đức thì đó là “Biệt”, do đó khéo nói Biệt giáo tức gồm có bốn đức. Khéo nói Viên giáo tức là mỗi giáo có bốn đức. Dung thông Biệt tức là Viên, chia Viên tức là Biệt. Nói về hai giáo tức là bác bỏ sự trái nghịch, điều mà ba tạng nói gồm bốn không thành cho nên “trái với biệt”, mỗi giáo đều có bốn không thành cho nên “trái Viên”.

#### ***Nói về tánh và tu:***

Không xứng với pháp tánh: ba pháp vốn không thay đổi gọi là Tánh, tất cả ba pháp đều có hai thuộc tu. Một là ở tánh, hai tu nghịch và thuận đều ở trong tánh. Một tánh toàn ở hai tu mê ngộ, do đó khiến cho ba pháp theo chiều ngang thì bao gồm sắc, tâm, y, chánh trong mười pháp giới, theo chiều dọc thì suốt tận ba vị, nhân quả mê ngộ. Vì thế Kinh xứng hợp với pháp tánh sâu xa vô lượng, Nếu vị kia xứng với pháp tánh này, thì đối với ba vị, mỗi vị có ba, mỗi vị phải có đủ ngôn

cú, chính là bác bỏ kia. Phần này tự chia làm bốn:

a. Một là dẫn Kinh Tịnh Danh bác bỏ Đạo Tiền: Theo ba văn này, xét biết đạo tiền không có một pháp riêng, nhưng phải hiểu rõ, Bồ-đề là đức trí, đến quả chí cực mới chứng được, Niết-bàn là đức đoạn, đến quả chí cực mới dứt hết “hoặc lậu”. Kinh có nói: Không thể đắc nữa, không thể diệt nữa. Là trong tánh này đã có quả đức, chẳng lẽ không phải đạo tiền có Kim Quang Minh? Kia nói: một Kim làm sao xứng với pháp Tánh.

b. Hai là Dẫn kinh Hoa Nghiêm bác bỏ Đạo Trung: “Người mới phát tâm là Phát tâm trụ. Liên thành Chánh giác, có khả năng hiện tám tướng. Đây là vị thứ nhất trong vị Thập trụ của Viên giáo, trụ trong viên tu trước lên trụ Viên phát, phát ở tánh có ba, tức là tuệ thân,... ba thân, ba đức, tất cả ba pháp, dùng một, ba để phá vị Đạo trung do Chân-đế lập, chỉ một liễu nhân, sau sơ trụ cho đến Đẳng giác, đều gọi là đạo trung, mỗi vị có ba pháp dần dần lớn lên như trăng; dần dần Viên thuyết Hoa nghiêm của xứng với pháp tánh vô lượng sâu xa, chứng thì đều chứng, xét kia phân cắt thật là không xứng.

c. Ba là chỉ cho nghĩa trước bác bỏ đạo hậu: Có đủ ba thứ như trên đã nói: trước phá nhân quả không hiểu. Văn chép: ba thân ba đức vốn là tên gọi tròn đầy về mặt quả, mà nay phân chia sắp đặt ba đức thiếu sót không đủ. Lại chép: Đạo hậu các điều lành ít nhóm tụ làm sao được giải thoát riêng, nghĩa kia tự hoại cho nên không dẫn kinh riêng.

d. Bốn là Y theo Viên bác bỏ chung: Theo kinh đã dẫn ở trước thì mỗi vị đều tròn đầy, chẳng lẽ đều là một sao? Ba y theo dụ mà bác bỏ. Kinh nói pháp tánh xứng với vô lượng sâu xa, nếu Kim Quang Minh ngang khắp dọc bày thì chẳng có đức nào không đủ, chẳng có vị nào không thông, kia giống như oai linh của phụng, thần lạ của Rồng, sự giải thích của ngài Chân-đế thì đức đã không đủ vị cũng không thông, như gấp rút trong tổ tu hú, hoặc quay trở lại hang thỏ, chẳng lẽ không xấu hổ khi người có văn chương đạo đức bị đem vùi chôn trong vây cánh của Vũ Môn, đều không có sức mạnh của tráng sĩ hay sao? Ba câu trên đều là dụ, một câu sau hợp với pháp, cho nên nói chẳng phải nói tròn đủ về pháp tánh.

**Sự giải thích của các Sư nay:**

Sư Hiện nay giải thích: Có sáu.

a. Nêu nay khác xưa: Các sư đều có chỗ đồng, chỗ khác nên đều nói rằng nghĩa thì không đúng.

b. Y theo kinh bác bỏ, nếu nói về vô lượng, không ít đối với sư,

vì theo pháp tánh cho nên càng thêm thù thắng nói rằng: Lý chẳng có gì không thống nhiếp. Trung Đạo Kinh Vương đâu khác với lý. Nay lại theo sự vì thế nói chỗ nào mà không thu nhiếp, ở đây giống như chiều ngang của pháp giới, dọc của ba đế, không phân mà phân, đâu chỉ ba lần ba là chín pháp mà chỉ bác bỏ ngài Chân-đế.

c. Xứng pháp giải thích đề: Kinh nói: ý vô lượng hiển bày theo chiều ngang thì bao gồm, lại nói ý sâu xa nêu rõ theo chiều dọc thì thông suốt. Nay dùng ba chữ dụ khắp ngang dọc tất cả pháp môn, mới xứng với ý “Kinh” và không trái nghĩa “Vương”.

d. Bỏ rộng lớn theo chính yếu: Dựa vào Kim Quang Minh đã dụ pháp môn rộng lớn không bờ mé, danh tướng của giáo nào mà không thấu nhiếp hết, đã sâu lại rộng, tâm vừa nghĩ đến nó thì lời nói và suy nghĩ không theo kịp, vì thế lấy mười điểm chính yếu trong tất cả làm cửa đầu tiên ngộ nhập cho hành giả, nếu vào cửa này thì pháp nào mà không thấy biết.

e. Sắp xếp chương:

g. Chính giải thích: Có ba.

g1. Nêu mười số Có hai.

g1a. Chính là nêu danh số.

g1b. Nói về lược công năng: Có hai

g1b1. Ước về nghịch thuận sinh khởi nói về mười pháp, bao gồm đầu, cuối, có hai:

g1b1a. Gạn lại.

g1b1b. Giải thích: Có ba:

g1b1ba. Lược chỉ bày: Bỏ vô lượng lấy mười thứ: vì mười thứ này bao gồm nghịch thuận và bao gồm cả đầu cuối, nhưng hai lần kia đều thành thứ lớp so sánh.

g1b1bb. Chính sinh khởi: Có hai

g1b1bb1. Nói về lập giáo nghịch suy, lý hiển bày do sự.

g1b1bb2. Nói về lập hạnh thuận tu thì vọng trở về Chân, hai thứ sinh khởi là:

- Từ gốc pháp tánh vô trụ, lập tất cả giáo pháp.

- Từ gốc vô minh vô trụ lập tất cả hành pháp.

**Hỏi đáp về pháp tánh:**

Hỏi:

- Pháp tánh vô trụ lập nên giáo pháp, nương vào văn nào mà nói?

Đáp:

- Văn của chương Đường thể này, nói các bậc Thánh nương vào Chân để đặt tên, và dẫn kinh Tịnh danh nói rằng, từ gốc Vô trụ lập tất cả pháp, đã dẫn chứng minh này nương vào chân đặt tên, chẳng lẽ không phải từ pháp tánh Vô trụ mà lập tất cả các giáo hay sao? Nhưng nếu có nói từ gốc Vô trụ lập tất cả pháp, thì không ngoài bốn lớp, như ngài Diệu Lạc nói: Lý thì tánh đức duyên liễu, Sự thì tu đức ba nhân, mê thì trôi lăn ba đường, ngộ thì trong quả thắng dụng. Bốn lớp như vậy đều do mê trong tướng thật mà lập. Nay lần thứ nhất là thắng dụng trong quả thứ tư kia, lần cuối cùng này là tu đức ba nhân của quả thứ hai kia.

**Hỏi đáp trong mê làm sao lập ra giáo pháp:**

Hỏi: Sinh khởi lần đầu, bắt đầu từ bí tạng cuối cùng đến ba đường hợp nhau, vì mê nên trôi lăn trong ba đường lấy gì chống lại thắng dụng trong quả để lập ra giáo pháp?

Đáp: Ở đây nói: Bí mật được hiển bày từ ba ngôi báu, đâu thể mê lý từ ba ngôi báu và các thứ ba pháp? Cho nên biết phải dựa vào lý khởi giáo giải thích mới đúng mực, hướng chỉ nay hai thứ nghịch thuận sinh khởi, cùng Pháp Hoa Văn Cú giải thích khai, thị, ngộ, nhập. Y theo vị trí môn mà quán bốn nghĩa, sinh khởi nghịch thuận ý đồng, vì thế văn cú kia nói, thấy lý từ vị, vị lập từ trí, trí phát do môn, môn thông do quán, nhờ quán cho nên môn thông, môn thông nên trí thành, trí thành nên vị lập, vị lập nên thấy lý.

**Ký Thích chép:** Sinh khởi nghịch thuận này, ban đầu nói nguyên nhân từ “năng”, sau nói năng hiển bày từ nơi sở. Văn này đầu tiên chẳng lẽ không phải sở từ nơi năng, lần sau chẳng lẽ không phải năng hiển bày từ sở hay sao? Hiểu được ý này mới bỏ văn. Sơ văn, Lý ba đức là chỗ chứng cùng cực của Phật, dứt bật danh tướng gọi là kho Bí mật. Tạng này được hiển bày cũng do lý giác trí và bất giác hòa hợp, vì thế Như lai thị hiện ba ngôi báu, nhưng ba ngôi báu ấy lập là do đức dứt, do đó nói là ba Niết-bàn.

**Giải thích văn:**

Niết-bàn được thành lại do trí đức, vì thế nói ba Thân.

Thân do Thừa đến cho nên nói là ba Đại thừa.

Thừa do hạnh thông suốt, do đó nói ba Bồ-đề.

Bồ-đề do Trí chiếu, vì thế nói ba Bát-nhã. Bát-nhã do tánh phát sinh, cho nên nói ba Phật tánh.

Tánh chủng bất nguồn từ hiểu rõ danh nghĩa, do đó nói ba Thức.

Thức biết nguồn gốc ba chương tức lý, vì thế nói ba Đạo.

Tất cả đều do ba đức pháp tánh bí mật, không có tánh chất an trụ

vững chắc, cho nên bậc Đại Thánh lấy pháp tánh vô trụ này làm gốc, lập chín danh tướng và tất cả giáo pháp. Sự sinh khởi này là sáu giải thích lập mười pháp. Lập các giáo pháp đến chỗ cùng cực ba đạo. Nay nói về chúng sinh ở trong ba đường, do vô trụ cho nên thành các hành pháp, đến chỗ cuối cùng của ba đức, ba đạo lại lấy vô minh làm đầu, vô minh sáng tỏ cho nên nghiệp khổ đều chuyển, chuyển mê thành hiểu biết, rõ được lời Thánh, cho nên thành ba Thức, hiểu được “thừa chủng” thì gọi là nhân Phật, do đó thành ba Phật tánh. Hạt giống huân tập bản giác cho nên phát sinh trí tuệ gọi là ba Bát-nhã. Trí có công năng hành đạo, thực hành thẳng đến Đạo, thành ba Bồ-đề. Trí hành khế hợp tánh, thấy đều gánh vác, thành ba Đại thừa. Thừa phân biệt Báo trí, trên thâm hợp dưới ứng cơ, liền thành ba thân. Thân lìa hẳn “hoặc” bất sinh bất diệt, gọi là ba Niết-bàn. Đức dứt tự tại, thi ân lợi vật, cho nên hiện ba ngôi báu. Công đức lợi vật thành tự, tự tha dứt bật, đồng trở về ba Đức. Lần sinh khởi này lập sau mười thứ quán tâm.

**Tổng kết chỉ bày:**

g1b1c. Tổng kết chỉ bày: Tìm xét ngược lại giáo do thuận tu quán hạnh đều thành thứ lớp.

g1b2. Y theo vô lượng sâu xa nói mười pháp thấy đều cao rộng.

Có ba

g1b2a. Khởi bày.

g1b2b. Giải thích: Có hai.

g1b2b1. Y theo nhiếp khắp mà nói vô lượng. Có ba.

g1b2b1a. Nói mỗi thứ có mười pháp: Ba đức pháp giới đã vô biên vô lượng, có pháp môn nào lại không bao gồm. Hơn nữa, theo chỗ quan trọng là có đủ chín thứ, tự thể vốn là thường, lạc, ngã, tịnh, nên gọi là ba đức, đủ năng đủ sở tức là mười pháp, ba đức đã như thế, chín đức kia đầy đủ lẫn nhau có thể dùng ý mà được, cho nên không nói đầy đủ.

g1b2b1b. Nói mỗi thứ đều có tất cả, một có chín, có ba: Đã nói theo quan trọng, phải biết mỗi thứ đều có tất cả ba pháp môn. Pháp tánh không ngăn ngại có khả năng ứng với các số, cho nên một pháp môn có khả năng đầy đủ tất cả một số pháp môn, lại đủ tất cả hai số pháp môn, cho đến nhiều như số cát sông Hằng danh số pháp môn, chẳng có pháp môn nào không đầy đủ, nếu hiểu nghĩa pháp tánh vô lượng, thì đối với điều này không bị mê muội, cho nên nói rất dễ hiểu.

**Dẫn kinh chứng minh kết luận:**

g1b2b1c. Dẫn kinh để chứng minh kết luận: Kinh là kinh Hoa Nghiêm, nêu lên một pháp làm pháp môn đứng đầu, tất cả các thứ khác

đều làm quyển thuộc, một pháp đã như vậy, các pháp đều như vậy, mới ở trong một có thể hiểu vô lượng, giải thích như thế mới xứng với nghĩa pháp tánh vô lượng.

g1b2b2. Y theo dọc mà nói cùng tận sự sâu xa: Trên là y theo vô lượng, bắt đầu từ một pháp đến hằng sa pháp, chẳng lẽ không cao dọc. Nhưng không y theo nghĩa vị thuộc về chiều ngang, chính là ngang của dọc. Ở đây nói về sâu xa, mỗi pháp môn đều nói về ba vị và sáu tức, tức là pháp ngang kia mỗi pháp đều chỉ bày dọc sâu.

**Phân tích văn:** Văn có ba.

Trước là nói theo mười pháp. Ba đạo ba thức khi mê thì là pháp, cho nên thuộc về đã có, ba đức ba ngôi báu thì quả sau pháp do đó thuộc về sẽ có. Từ ba Phật pháp đến ba Niết-bàn, bắt đầu từ nhân nhỏ cuối cùng có quả lớn đều là “đạo trung” cho nên thuộc về đang có. Nếu mê mờ nghĩa cao rộng của ba pháp, thấy ở đây phối hợp so sánh, gọi là phần cắt. Phải biết mười thứ ba pháp chỉ là một thứ ba pháp, vì một pháp tánh vô lượng sâu xa có mười đức, đặt ra mười tên, một thứ ba không riêng, mười thứ ba không phân chia. Nếu ba đạo kia ở giai vị đã có thì đã thu nhiếp chín thứ ba pháp khác. Nếu nói ba đức ở giai vị sẽ có thì cũng thuộc về chín thứ ba pháp khác, tám thứ ba pháp ở giữa đều giống như thế. Nhất đẳng: một pháp có chín, năng sở có mười; cũng có thể dùng mười pháp này chia hợp với ba vị, mười thứ này đã có đủ trong một pháp cũng chính là một pháp có đủ ba vị. Nói lên sự phân đối ở trước cho nên chẳng phải cách vượt.

g1b2c. Ba vị mỗi vị đều có sáu tức: Chỉ bày mỗi pháp môn: là mỗi pháp môn trong mười pháp môn, trong một pháp môn có đủ chín pháp môn, mỗi pháp môn trong chín pháp môn, từ một pháp cho đến vô lượng pháp pháp nhiều như số cát sông Hằng. Mỗi pháp môn, về chiều dọc, chẳng có pháp môn nào không thông suốt giai vị sáu tức. Vì sao? Vì mỗi pháp thể là pháp tánh vô lượng sâu xa, kể “bạc địa” hoàn toàn mê mờ, chỉ có lý là đúng. Như vâng lãnh sự chỉ dạy, đối với danh tự mỗi pháp biết là pháp tánh sâu rộng, người ở giai vị năm phẩm quán hạnh biết đúng, giai vị sáu căn thanh tịnh dưỡng như biết đúng, bốn mươi một giai vị phần chân biết đúng, chỉ có giai vị Diệu Giác đối với mỗi pháp biết đúng rất ráo pháp tánh sâu rộng, cho nên thành nghĩa dọc. Lại dùng sáu tức đối với ba vị, thì đều từ rộng ngang mà nói về dọc sâu, do đó kiết lại thành nghĩa sâu xa. Ba là. Kết quy: chỉ dùng ba chữ dụ khắp dọc ngang, cùng bờ tận đáy pháp tánh Kinh Vương, ý chỉ văn đều nhận được.

- Giải thích mười phương:



g2. Giải thích mười tướng: Có bốn.

g2a. Nêu bày.

g2b. Kết trước sinh sau.

g2c. Khuyến tu tin hiểu: Năm được ý Đại kinh, dùng mắt thường của người đối với mắt trí của Phật, mà phân biệt hơn kém, mắt người thường chỉ có thể phân biệt được sắc tướng đồng khác. Năm phẩm quán hạnh tuy là mắt thường, cũng gọi là mắt Phật, thấy được kho Phật tánh bí mật. Nay giải thích mười thứ ba pháp, mỗi thứ đều bí mật, chẳng phải ba trí Mắt Phật thì làm sao phân biệt được sâu cạn đồng khác. Sâu cạn ứng với “thiên”, ba giáo là Cạn, chỉ có Viên. Từ sâu xa, giống khác nói rõ về Viên. Mười tức một là đồng, một tức mười là khác, đồng khác cùng lúc, sâu cạn rõ ràng. Đại sư đã được mắt trí này, nay nói mười pháp Thiên Viên để răn bảo người tu hành chưa mở mắt này, vì thế khuyến tin sâu, sinh sự hiểu biết về “Viên”, nương vào danh tự chia ra mười môn.

g2d. Chính là giải thích mười tướng: có hai.

g2d1. Chính là giải thích: Có mười.

g2d1a. Ba đức: có bốn.

g2d1a1. Nêu danh lược chỉ bày.

Ba là pháp thể, bốn là đức tướng.

g2da2. Nói về “Viên” rộng giải thích: Có hai.

10. Giải thích bốn đức:

g2da2a. Giải thích có ba. Dùng khuôn phép giải thích pháp. Pháp tánh sâu rộng ai không noi theo, nhưng do chín cõi tuy là noi theo mà trái nghịch, cho nên đối với pháp thân mà thành đường khổ, chư Phật thuận theo có thể ở đường khổ mà thành tựu pháp thân. “Dùng sự nhóm họp mà giải thích thân”: Một sắc một hương đều là trung đạo, tất cả hương về một, tất cả đều như thế, đó gọi là nhóm. “Tất cả chúng sinh...”: vì thân Phật đầy đủ tất cả pháp, tất cả chúng sinh đối với một pháp đều hiểu biết chân thật, là chân tri Phật, là chân thức Phật, do đó Phật là thiện tri thức chân thật. Kinh Hoa Nghiêm cũng chép: Tất cả pháp bất sinh, tất cả pháp bất diệt, nếu hiểu được như vậy, thường thấy Lô-xá-na. Trong Bát-nhã giải thích nhóm họp là tục đế, giả trí chiếu soi cho nên các pháp nhóm họp mà thành, tán tức là Chân-đế, “Không trí” chiếu soi nên các pháp tan hoại, cả hai đều không tức là trung đế, Trung trí chiếu soi cho nên các pháp dứt bật đối đãi, ba trí một tâm gọi là Bát-nhã. Trong Giải thích giải thoát các pháp không ngoài ba đế là chân, tục và trung. Không nhiệm bất trụ ba thứ này thì gọi là ba giải thoát, tức ba

hoặc lụy không bao giờ tương ứng.

g2da2b. Giải thích đức: Có ba.

1) Nói bốn đức của pháp thân: Mỗi pháp chúng sinh và Phật y báo, chánh báo cho đến một lân hư, một niệm sát-na đều viên đủ bốn đức mẫu nhiệm, y theo ba nghiệp nói về đức Tịnh, mười cõi, ba nghiệp đều xa lìa sáu nhiễm xưa nay, gọi là pháp thân tịnh. Bốn đức pháp thân mẫu nhiệm không gì so sánh, gương dùng bốn nghĩa của vàng ở đời làm ví dụ.

2) Nói về bốn đức Bát-nhã, tức trí của thể trở về thâm hợp với thể, đã không hai thì chẳng lẽ trí công đức ít hơn pháp thân, cho nên Bát-nhã cũng có bốn đức. Trong kinh Đại Phẩm thật có nghĩa này. Nói sắc tịnh, âm sắc tức là tánh cho nên là pháp thân, gồm có bốn đức, làm thành tướng rộng lớn, lại nêu một tịnh, đức Tịnh chẳng cô lập, phải có ba thứ còn lại. Nói chung, vì sắc thường cho nên Bát-nhã thường, lạc và ngã cũng vậy. Nói các nghĩa đều thành, tức là thể đầy đủ nghĩa mát mẻ bất biến, nghĩa chân thật hiểu biết, nghĩa ánh sáng chiếu khắp, cho đến nghĩa các công đức nhiều hơn cát sông. Biết đã thâm hợp với thể, cho nên Bát-nhã đều thành nghĩa này. Vì thế lại dẫn kinh sắc đại sắc vô biên, lập nghĩa rộng lớn. Ví dụ nói sự sâu kín để lập nghĩa dọc cao. Bát-nhã đều đầy đủ. Cảnh chỉ là sắc, sắc ở ấm ban đầu, là pháp giới thủ cho nên kinh nêu ở trước, sắc đã có bốn đức, thọ, tưởng, hành, thức giới, nhập, đế, duyên, lục độ, đạo phẩm cho đến chủng trí đều thường lạc, ngã, tịnh. Ấy nên Bát-nhã có đủ bốn đức.

3) Nói về bốn đức giải thoát, trước phá văn xưa đã nêu riêng có bốn, cho nên ở đây y theo nghĩa mà nói chung có hai nghĩa:

Một là y theo các điều ác hết hẳn, các điều ác chẳng qua vô thường... có bốn, đã lìa bốn lỗi, thì có đủ bốn đức. Hoặc nói riêng về các chấp vô thường... chỉ ở Nhị thừa, hoặc nói chung lìa các chướng như vô thường... Chỉ Phật mới hết sạch, ở đây là nói chung; hai là y theo các điều lành mỏng manh mà hiểu: Pháp lành tuy nhiều nhưng chẳng gì hơn bốn đức, nhóm họp đã nhiều thì đức sẽ không thiếu, cho nên giải thoát có đủ bốn đức. Ba dẫn chứng thể viên, dẫn ba văn, ý văn ban đầu là nói giải thoát đồng với pháp thân. Đầy đủ bốn đức. Văn kế là nói chung ý ba đức ở tại pháp thân. Pháp thân chiếu thì sẽ có ba đức, kinh tuy thiếu văn Bát-nhã mà nói nhiều về ba nhân. Nhân là trí tánh, ba nhân viên, tức là ba trí đều có đủ bốn đức.

**Nói về ba điểm đầy đủ:**

Nói ba điểm đầy đủ... phẩm Ai Thán chép: Thế nào gọi là kho

Bí mật? Giống như ba điểm của chữ Y, nếu ngang thì không thành, dọc cũng không thành, như ba mắt trên mặt của trời Ma-hê-thủ-la mới được thành Y. Ta cũng như vậy, pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn, cho nên ba pháp là các tướng ngang dọc, một khác. Mới được gọi là Đại Niết-bàn. Điểm là văn tự: Bởi Thiên Trúc tân y ba điểm. Như Trung quốc viết chữ thảo.

Lại có vẽ ba điểm tròn nhỏ liên tiếp, cho nên biết mỗi điểm đều là văn tự. Lấy ví dụ ba pháp, các pháp xen nhau đầy đủ, đều là đại Niết-bàn. Ba điểm đều có đủ bốn đức, nếu quên ba điểm thì đều thành văn tự. Để khiến cho ba điểm đều đủ bốn đức nên dùng pháp thân thường, ngã, Bát-nhã là tịnh, giải thoát là lạc, mỗi điểm thân hai thì mỗi điểm thành bốn, cho nên biết pháp thân ba điểm mới có đủ bốn đức. Bát-nhã ba điểm, giải thoát ba điểm mới có đủ bốn đức cho nên nói đều có và đầy đủ. Có chỗ nói ba trí đều đủ bốn đức, trí là Bát-nhã, vì thân hai cho nên hai đều gọi là trí, mới thành ba trí, là lấy ba đức làm ba trí, cho nên khiến cho ba trí có đủ bốn đức, nếu ba đức như thế thì làm sao suy nghĩ biết được, nên gọi là kho Bí mật.

Bốn là kết trước sinh sau, do ba đức và chín pháp môn không hai không khác. Một chương được giải, chín chương khác rất dễ hiểu. Giống như nghe lống chưa cùng tận chỉ thú cho nên nạn cũ giảm yên, lại làm truyền bá thông suốt.

***Nói về ba ngôi báu: Hai là ba ngôi báu có hai:***

Một là y theo viên giải thích nghĩa. Vì Phật, Pháp, Tăng đều đầy đủ bốn đức, đáng tôn trọng, cho nên gọi là Báu. Đây và ba đức thể ấy chẳng khác, vì có giác và bất giác hòa hợp và ý nghĩa đáng tôn kính cho nên y nghĩa lập ra ba ngôi báu. Nay nói nghĩa ba ngôi báu là nghĩa một thể, nhưng vẫn lược khó thấy. Trong Quán Âm huyền thì tướng ấy ít nói đến, ở đây chép đủ để hiển rõ nghĩa này.

Văn ấy chép: do tuệ tướng thật hiểu rõ các pháp chẳng phải không, chẳng phải hữu, nên gọi là ngôi báu Phật. Lý pháp tánh sở giác ba đế đầy đủ, tức là ngôi báu Pháp. Giác tuệ ấy và lý sự hòa hợp gọi là ngôi báu Tăng. Cùng sự hòa thì có Hiền Thánh tăng, của tiền tam giáo, hòa với lý thì có bốn mươi hai Hiền Thánh tăng của viên giáo. Nay giải thích rằng Phật có ba trí, lược nói hai thứ chẳng phải. ngôi báu Pháp là nói ba đế đầy đủ. Ba đế này tức khác mà không khác, lý trong tánh, không sai mà sai, sự trong tánh, tuệ hợp không sai ba đế, tức có tăng

viên giáo, tuệ hợp mà sai ba đế thì có tam giáo tăng. Nay Phật pháp hai văn và kia chẳng khác nhưng hơi sơ lược.

Tướng của ngôi báu Tăng ấy thì lời khác mà nghĩa đồng, phải hiểu lời nói ấy. Nay nói Tỳ-lô-giá-na tức là lý mà kia đã hòa. Biến nhất thiết xứ tức là sự mà kia đã hòa. Văn ấy lý sự đều nói về hòa, thể ấy chẳng hai, cho nên ở đây nói tức mà lý. Sự lý này đều là ngôi báu Pháp, hòa được giác tuệ là ngôi báu Phật, văn ở đây lược. Chỉ nêu sở hòa để hiển rõ năng hòa, cho nên kết thúc rằng hòa này đáng tôn quý, phải biết chỉ có một thứ ba đế mà phân ra sự lý. Viên dung tam đế gọi là lý, tức dung mà cách, đế lý của tam giáo gọi là sự. ngôi báu Phật quyền trí và ngôi báu Pháp sự hòa, ứng hiện Hiền Thánh ngôi báu Tăng của tam giáo. ngôi báu Phật thật trí và ngôi báu Pháp lý hòa, ứng hiện ngôi báu Tăng Hiền Thánh viên giáo. Kia nói bốn mươi hai Hiền Thánh là ngôi báu Tăng viên giáo, cho nên biết ứng là diệu giác cũng gọi là ngôi báu Tăng.

Vì ngôi báu Pháp kia thuộc về ngôi báu Phật và ngôi báu Pháp, cho nên Thích Ma-ha-diễn luận chép: Đẳng giác trở lên có Chân ngôi báu Tăng. Lại trong Pháp Hoa dùng thống lý đại chúng làm ngôi báu Tăng, đâu chẳng phải ứng Phật. Ứng Phật đối cơ quản lý đại chúng cùng cực. ba ngôi báu này một người một niệm đều đầy đủ gọi là nhất thể. Thật ra có ở cả sáu tức. Văn từ chân chứng cũng nên nói, cho nên nói bốn mươi hai.

Hai là chẳng hạn như đối dụ khác, ba đức đồng. Thật thể tánh ấy không hai không khác cho nên dùng ba chữ lại dụ cho ba ngôi báu. Nhưng đồng khác này sở tri kiến của Tam-muội mất trí, chẳng phải tìm tên ấy y giáo để sắp bày, nên sinh tín hiểu tức nghe mà quán, chứng ngộ còn xa.

***Nói về ba thứ Niết-bàn:***

Ba là ba thứ Niết-bàn có hai, thứ nhất là y theo Viên để giải thích nghĩa. Danh từ Niết-bàn, trong sơ của Chương An có nhiều phiên dịch, nay dùng cách dịch bất sinh bất diệt để nói về ba thứ tướng, nghĩa rất rõ ràng. Ba thứ tên riêng, tánh thì chẳng đối, tịnh thì vốn không. Viên thì trí mẫn tịnh thì hoặc hết. Phương tiện thì phó cơ, tịnh thì không lụy. Ba thứ tên chung. Tên chung nghĩa riêng, tùy văn tự thấy. Trong tánh tịnh các pháp tướng thật, làm thiện làm ác gồm thâu tất cả, gọi là các pháp. Toàn Tu là tánh, các tướng đều thật, cho nên nói là tướng thật. Chẳng phải nói trong các pháp có tướng thật, cũng chẳng phải tu luyến đối tánh vốn thật ấy.

Các pháp đương xứ đã là chân thật cho nên không có pháp để nhiễm, cũng không có pháp để tịnh, đã không có hoặc nhiễm hướng chi là có pháp sinh, đã chẳng có trí thanh tịnh thì đâu có pháp diệt, cho nên gọi là bất sinh bất diệt. Viên tịnh là căn cứ vào tánh, tuy không nhiễm tịnh nhưng y theo tu, hoặc và trí rõ ràng. Hoặc vốn trái lý, nếu trí khế lý thì hoặc không bao giờ sinh, trí đã thuận lý, nếu lý toàn hiển thì trí chẳng bao giờ diệt, cho nên hoặc hết trí tròn cũng được gọi là bất sinh bất diệt. Phương tiện thanh tịnh, trí thâm hợp với tịch lý tức soi rõ các căn cơ, cho nên nói tịch mà thường chiếu. Chiếu phải thùy ứng, cơ cảm tức sinh tâm thường vắng lặng, cho nên ở đây sinh chẳng phải sinh, duyên hết liền diệt, ứng dụng thường hưng khởi, cho nên diệt này chẳng phải diệt, ứng cơ xuất một chẳng còn chẳng mất.

Cũng gọi là bất sinh bất diệt. Ba thứ Niết-bàn này, y theo khế lý ứng cơ, nghĩa của hai thứ tu. Nói theo bản tịnh một tánh thì phải biết một tánh đối tu cho nên hợp, y theo tánh thường khai. Toàn tu ở tánh, cho nên tánh có ba, nếu toàn tánh có ba, khởi khế lý tu mới thành ba trí.

Nếu toàn tánh có ba, khởi ứng cơ tu mới thành ba thoát. Đã ứng cơ có ba thì phương tiện tịnh, đủ ba thứ Niết-bàn. Đã khế lý có ba, tức là viên tịnh đầy đủ ba thứ Niết-bàn, đã nhất tánh đầy đủ ba tức là nhất tánh thanh tịnh đủ ba thứ Niết-bàn, chẳng như vậy thì đâu thể ba điểm đầy đủ, bốn đức không giảm. Đâu phải ba thứ Niết-bàn chỉ nói về ly hợp, phải biết ba thứ còn lại cũng vậy, hai là so sánh với ví dụ đối lại khác. Ba thứ Niết-bàn thể bình đẳng với ba đức, không hai không khác, đâu phải chỉ có thể một mà nghĩa cũng tùy theo, cho nên dùng nghĩa Niết-bàn thành bốn đức, lại do đủ đức nên thành nghĩa báu. Nay ba thứ Niết-bàn nghĩa thể đã đồng ba đức ba ngôi báu, đâu phải kinh Kim Quang Minh không thể so sánh, hướng chi ba thứ Niết-bàn ư?

***Nói về ba thân:***

Bốn là ba thân có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa, thân có ba nghĩa, đó là thể y và tụ, muốn cho dễ hiểu nên chỉ lấy nghĩa tụ. Giải thích khắp ba thân tụ pháp nào? Có chỗ nói nhất thật, hai đế, ba đức, bốn tín, năm căn, sáu thông, bảy giác, tám chánh, chín thiền, mười độ, trăm môn, ngàn pháp, tám mươi bốn ngàn pháp môn, Tam-muội tổng trì các Ba-la-mật, cho đến vô lượng các công đức thanh tịnh nhiều hơn cát bụi. Các pháp như vậy tánh đầy đủ nên gọi là lý tụ, pháp thân. Trí chứng thì gọi là trí tụ, báo thân.

2) Hành thành thì gọi là công đức tụ, ứng thân. Nhưng lý không bình đẳng, song trí hành thuộc tu, tu thành thì tụ chẳng thành gọi là tán. Lý chẳng thành nên không có tụ, tán. Nay y theo hiển bao trùm nghĩa nói là tụ tán. Lý tuy có pháp nhưng bị che đậy cho nên chẳng thấy, đồng với nghĩa tán, ví dụ rõ rất dễ hiểu. Ba cái này đều nói từ sơ tâm, tuy chung cho quán hạnh nay y cứ mà hiển xuất ra văn chính lý. Phải từ Sơ trụ cuối cùng đến Diệu giác, do thù ứng thân chẳng phải hai phạm. Ba thân này, một niệm đều hiển bày cho nên không có chiều dọc, ba nghĩa do nhau cho nên không có ngang. Vì sao nói do nhau? Do hành tụ nên nuôi dưỡng trí, trí tụ nên hiển lý, cũng là lý tụ cho nên phát trí, trí tụ cho nên dẫn dắt hành, hành tụ cho nên chứng lý, lại phải biết rõ. Trí hành ở lý, lý mới gọi là tụ. Nghĩa khai hợp ở trong ấy.

***So sánh với đối dụ khác:***

Năm là nói ba Đại thừa, có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa. Đại thừa là xe lớn, lấy nghĩa chuyên chở. Vận chuyển mà chẳng gánh vác, gánh vác mà chẳng vận chuyển, đều chẳng phải nghĩa thừa. Không pháp nào chẳng đầy đủ nên nói gánh vác, có công năng hưởng đến cực quả nên gọi là vận chuyển. Ba thứ này đều như vậy nên gọi là Đại thừa, ban đầu lý tánh hư thông, một tánh hư cho nên muôn pháp đều bao trùm, nhậm vận gánh vác. Các pháp tự nhiên, tánh thông Bí tạng. Nhậm vận vận chuyển. Nhậm vận thiếu một chữ vận. Tùy thừa, trí chiếu các pháp cuối cùng trở về kho bí mật, mà nói tùy cảnh là do các cảnh bản tánh hưởng tới cùng cực. Trí tùy tánh cho nên cũng hưởng tới cùng cực, cho nên lý nương bốn vận, tùy nương năng vận, tùy theo lý bất cứ pháp nào nghĩa ấy cũng thành. Đắc thừa, thể là các hành, tùy thừa dẫn dắt cho nên trang nghiêm cực lý, nên gọi là đắc quả. Tự đã giải thoát giúp cho tha thoát, nên gọi là đắc cơ. Tu tánh ly hợp cũng đồng với trước nói.

2) Lệ với đối dụ khác.

***Nói về ba Bồ-đề:***

Sáu là ba Bồ-đề có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa. Bồ-đề dịch là Đạo, Đạo là năng thông, tức ba thừa trước đều có một nghĩa vận. Hoặc ba tướng riêng, đồng ở trước sau cho nên không đặc biệt giải thích. Chỉ nêu tên khác bao gồm mà hiển bày rõ, cho nên nói chân tánh cũng gọi Vô thượng. Thể chân tánh là Đệ-nhất-nghĩa, cho nên không còn có lỗi trên.

2) Thật trí, ngay nơi hoặc thành trí, thể của nhiễm vốn là không nên gọi là thanh tịnh. Ba phương tiện, trí chỉ tự thanh tịnh, chưa mãn đại

tâm. Nay dùng hợp cơ khéo léo, giúp cho mình người hội cực, cho nên phương tiện còn gọi là rốt ráo. Khai hợp như trước.

- So sánh với đối dụ khác.

**Nói về ba Bát-nhã:**

Bảy là Bát-nhã có hai:

- Y theo Viên để giải thích nghĩa, tức là tướng thật, quán chiếu, phương tiện. Ba Bát-nhã này thể là viên thường một đại giác, tức một giác này có ba thứ đức, chính đức của phi tịch phi chiếu gọi là Bát-nhã tướng thật, đức của phi chiếu mà chiếu gọi là Bát-nhã quán chiếu, đức của phi tịch mà Tịch gọi là Bát-nhã phương tiện.

Đây là tịch giác chiếu giác, chẳng phải tịch chiếu giác cả. Ba đều giác nên gọi là ba Bát-nhã. Tịch chiếu ở trên đều nói là phi, do nương song già khởi hai dụng. Nhưng các nghĩa tịch chiếu. Người mới học khó hiểu, nay nói lược chiếu nghĩa là chiếu sáng, vì sáng cho nên rõ pháp, rõ pháp vô tướng gọi là trí Nhất thiết, rốt ráo không. Tịch là vắng lặng, vì vắng lặng cho nên thuộc về đế pháp, đế pháp duyên sinh gọi là trí đạo chủng, là cái giả khó suy nghĩ. Phi nghĩa là chẳng phải vắng lặng, trí của vô duyên gọi là trí nhất thiết chủng, ở trong sự dứt bật đối đãi. Nhưng Bát-nhã tướng thật, tông kia chấp tướng thật vô tri gọi là Bát-nhã, do cảnh sở chiếu từ trí năng chiếu mà được tên, giải thích tên gọi như thế chẳng phải nghĩa của tánh tông.

**So sánh với đối dụ khác: về so sánh với đối dụ khác.**

Ở trên giải thích ba đức do trí Bát-nhã chiếu soi cảnh pháp thân, cảnh trí đã hợp mới sanh khởi giải thoát. Nếu cho rằng ba trí chắc chắn là một đức, thì hiểu một ít phần, mê ý chỉ kinh chẳng tiêu được văn này. Nếu chắc chắn là nhiều thì có hai có khác, nên biết Bát-nhã đầy đủ đối với pháp thân và giải thoát, cho nên mới thọ ba tên. Ba đức đã là tu hai tánh một, Bát-nhã chẳng lẽ như vậy ư? Ba đức lia chín, ba trí cũng như vậy, cho nên ba đức, ba Bát-nhã và các ba pháp đều đồng một thể mà đặt tên khác. Điều là toàn phần của pháp giới, cho nên nay ba chữ cũng dụ cho ba trí.

**Nói về ba Phật tánh:**

Tám là ba Phật tánh có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa, gọi chung là Phật tánh, là nêu cả Hoa Phạm. Phật Hán dịch là Giác, tức ba trí dung thông sáng suốt, trùm khắp tất cả mọi nơi, đều sáng tỏ gọi là Đại viên giác, về tánh thì nghĩa là chẳng dời đổi, nghĩa là tánh đại giác chẳng thêm chẳng bớt, chẳng đổi chẳng dời. Đâu phải riêng như vậy. Duyên liễu vốn có cũng

không thay đổi. Tên khác là chánh nhân, duyên nhân, liễu nhân.

Chánh là trung chánh, liễu nghĩa là chiếu liễu, duyên là trợ duyên, duyên trợ đối với liễu, liễu hiển bày ở chánh. Chánh khởi duyên tốt cũng là chánh phát đối với liễu. Liễu dẫn dắt duyên, duyên trang nghiêm cho chánh, chánh khởi duyên tốt. Bởi như vậy nên chẳng phải nghĩa theo chiều ngang. Nhất tâm đốn đầy đủ nên chẳng phải nghĩa dọc. Văn giải thích ba tướng đều gọi là song phi, vì chánh nhân ấy trong đây là thật, cho nên có tám điền đảo thường, vô thường, khổ lạc, cấu tịnh, ngã vô ngã... Vốn chẳng tương ứng.

2) Văn còn lược nêu phi thường... toàn là chánh nhân này phát chiếu rõ trí, trí chẳng lẽ là tà đảo. Liễu này dẫn dắt duyên các hành đều trung. Do từ thắng thuyết nên nêu cả hai điều phi. Trung phải song chiếu, nghĩa ba đế đầy đủ, cho nên dùng chánh tánh tức không, giả, trung, phát liễu trí tức không giả trung. Dẫn dắt tức trợ duyên cho không giả trung. Nghiêm túc chánh thể của không giả trung, khởi là duyên tốt của không giả trung, như vậy mới gọi giải thích ba nhân theo nghĩa viên. Văn nêu việc đào kho vàng là dụ. Nói về ba tướng này, dụ cho Thông giáo, biệt giáo phải nương tức giải thích nghĩa khiến quy về viên, thiên ma ngoại đạo chẳng thể phá hoại. Ma... đương thể tự là ba nhân, lẽ nào Phật tánh lại hoại Phật tánh, hai là so sánh với đối dụ khác.

**Nói về ba thức:**

Chín là thức, có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa. Giải thích tên chung gọi là thức, là tên khác của giác liễu trí tuệ.

Hỏi: Tên ba thức ở giai đoạn bản hữu, lại A-lê-da thể là vô minh, A-đà-na tánh là nhiễm hoặc, sao được gọi thức là tên khác của trí?

Đáp: Tất-đàn của Đại Thánh nêu bày các chúng sinh hiển lý gọi là giáo, hoặc còn hoặc bỏ, nghĩa có nhiều đường. Như đại kinh dạy nương trí không nương thức và trong các giáo khuyến tu trí quán, dứt bỏ các phiền não. Ở đây dùng danh từ ác nghịch để giải thích dứt bỏ phiền não mà thành lý quán. Như kinh Lăng-già nói giết cha vô minh, hai mẹ tham ái. Ở đây dùng danh từ ác nghịch. Nói dứt bỏ phiền não mà làm sáng tỏ lý quán. Như kinh Vô Hành chép: Tham dục tức là Đạo, nhưế si cũng như vậy. Trong ba pháp này đầy đủ tất cả Phật pháp. Ở đây nhà chú thích giải thích rằng chính ba pháp môn đại tham, đại sân, đại si là không hai không khác với ba quán. Ở đây dùng danh từ ác độc. để giải thích chẳng dứt hoặc mà làm sáng tỏ lý quán. Nay dùng ba thức trở



xuống ba đường, là pháp sở dụ của Kim Quang Minh đồng với kinh Vô Hành dùng danh từ ác, giải thích chẳng dứt hoặc mà hiển bày lý mẫu.

***Nói thêm về thức:***

Do viên giáo chỉ ra, đương thể của điều ác tức là pháp giới, các pháp hưởng về ác mười hai nhân duyên chẳng do tạo tác tức là Phật tánh, cho nên đà-na hoặc tánh A-lại-da vô minh, các tướng đều viên dung, với không hai không khác kho Bí mật. Ấy cho nên được gọi là thức, là giác liễu, tên khác của trí tuệ. Nhưng nếu không dùng chẳng dứt bỏ phiền não thì hoặc thành trí tiêu. Văn này, viên ý mất hẳn. Trong giải thích tên khác còn ba tiếng Phạm. Theo một mà giải thích nghĩa tức là dịch tên. Nói hạng thứ chín xuất xứ từ Nhiếp luận do Chân-đế dịch vào đời Lương, cho nên Phụ Hành chép: Chân-đế nói thức A-đà-na thứ bảy, Hán dịch là thức Chấp ngã, ở đây thể của hoặc tánh là duyên nhân. Thức A-lại-da thứ tám, Hán dịch là Tàng thức, vì có khả năng giữ gìn trí chủng chẳng mất, thể là không mất vô minh, tánh của vô minh là tánh liễu nhân. Thức Am-ma-la thứ chín gọi là thức thanh tịnh, tức là chánh nhân.

Ba tạng đời Đường chẳng chấp nhận thức này, nói thức thứ chín chính là tên khác của thức thứ tám, cho nên Nhiếp luận tân dịch chẳng có thức thứ chín. Trong văn Địa luận cũng không có thức thứ chín, chỉ lấy thức thứ tám đối với chánh nhân, thức bảy đối với liễu nhân, thức sáu đối với duyên nhân. Nay Chân-đế vẫn hợp sáu và bảy làm duyên nhân. Vì trong thức thứ sáu có việc thiện ác cũng là tánh hoặc, nếu phân biệt thì dễ giải thích. Vì pháp sẵn có trong một niệm là giáo đạo quyền nói. Phần đối các vị còn lập gần xa. Do thức thứ chín vô nhiễm, bất động, cho nên đối với Phật, thức thứ tám thuộc về Bồ-tát vì giai vị Thập địa thì hai thức sáu và bảy đã chuyển thành trí, chính là lấy ba phần của A-lại-da làm cảnh, tuy là cảnh giới mà tức dụng này là quán trí. Như người sơ tâm cũng dùng tâm vương tâm sở thứ sáu hiện tiền làm cảnh quán, cho nên dẫn Đại luận ở tâm Bồ-tát, gọi là Bát-nhã.

***Thức A-đà-na thứ bảy:***

Thức bảy gọi là A-đà-na, theo Chân-đế dịch, hoặc các kinh luận tân dịch đều nói thức thứ bảy gọi là Mạt-na. Ở đây theo xưa dịch, ý nói quả trách sinh tử ác. do Nhị thừa người người chấp đã quên. Thức thứ sáu do Kiến tư huân chuyển thành vô lậu, trần sa chưa phá, chính trụ trong pháp chấp thứ bảy, chẳng rõ pháp sinh tử không, cho nên có quả ác, chẳng rõ pháp Niết-bàn không cho nên có ưa thích ham muốn. Thức này nếu ở trong giai vị quả Phật thì lại dùng làm quyền trí. Vì pháp Nhị

thừa dắt dẫn tiểu căn, mặc y dơ bẩn, cầm đồ hốt phân, cho nên biết sau khi các thức được phá thì tự tại, vì cơ tải dụng. Sóng mờ v.v... là thức thứ sáu.

Kinh Lăng-nghiêm chép: Thức Đà-na nhỏ nhiệm, thói quen thành dòng thác, mà thành sóng mờ chính là pháp tâm, tâm sở của phàm phu. Đây là y theo bốn người mỗi người đều đối với một thức. Nếu y theo tiệp đoạn phân biệt bốn tướng thìn thô sẽ bao gồm tế. Phàm phu có bốn, Nhị thừa có ba, đã phá bỏ thức thứ sáu. Bồ-tát đầy đủ hai, sáu và bảy đã chuyển. Phật chỉ có một, thức thứ tám đến quả đã chuyển. Nhưng thức thứ sáu là thức của ý gia, chính là cành nhánh của A-đà-na. Nếu nói thứ bảy tự mình thâu nhiếp cho nên nay không nói. Trên nói ba thức chia ra ba vị, chính thuộc giáo đạo. Nếu gọi là thật luận. Ba thức thức này tức là ba đức. Người nào mà không có, vật nào mà tạm thiếu, hoặc thức hoặc sắc chỉ là một thức. Hoặc thức hoặc sắc chỉ là một sắc, đâu thể hữu vô, thêm bớt mà nói. Vả lại y theo một tâm niệm của hữu tình, có tất cả nhiễm tịnh. Phật rốt ráo đầy đủ dung chứa riêng một. Nếu không như vậy thì đâu phải pháp mà ba chữ ví dụ.

***So sánh với đối dụ khác:***

Về so sánh so sánh với đối dụ khác, lệ với đức là hỏi ba đức và ba thức không hai không khác, ba đức tu tánh có lia có hợp. Nay nói ba thức có lia có hợp ư?

Đáp: Có.

Lại hỏi: Môn không hai chép: Thuận tu đối tánh, có lia có hợp, trong ba thức, hai thức bảy và tám do mê thức thứ chín mà khởi, là nghĩa nghịch tu, đâu được đối tánh mà nói hợp ly?

Đáp: Ly này nghịch tu lập thuận tu, thì có hoặc để dứt, có trí năng quán. Năng sở đã có thì tu này gọi là nghịch, làm sao có thuận? Nếu thức bảy, và tám làm thuận tu thì không có sở phá cũng không năng quán, hoặc trí đã quên, tánh tu cũng mất. Mà ba thức ấy một khác đồng thời, không đối với nghịch thuận gượng gọi là thuận, cho nên được gọi thức là giác liễu, là tên khác của trí tuệ. Nay văn ba thức nói về thuận tu này. Tu này đối tánh nói về ly hợp, chín có tám và bảy gọi là tánh ba. Tám có bảy, chín và bảy có tám, chín gọi là tu ba, nghĩa của ba chính là ly. Nay hợp tánh ba chỉ nói thứ chín đều hợp tu ba chỉ nói bảy, tám đó là hợp. Hợp ly đã như vậy cho nên không hai không khác với ba đức và các thứ ba pháp. Là dùng ba chữ dụ cho ba thức này.

***Nói về mười ba đạo:***

Mười ba đạo chia có ba:

a) Ban đầu cột mười hai chi thành ba đường, có hai: trước chính là cột, mười hai chi này số môn bất định, có khi có ở khắp ba đời, có khi ở khắp hai đời, có khi chỉ một đời, có khi chỉ một niệm, thời tuy dài ngắn nhưng đều nói mười hai. Nay chính ba đời rút gọn thành ba đường. Giáo môn nhiều cho nên hiển bày lẫn nhau, hai giải thích, tên gọi ở trên cột mười hai là giải thích ba tên gọi. Ở đây nói nghĩa đạo là giải thích tên chung, gọi chung là Đạo, nghĩa là Hoặc, nghiệp, khổ thông suốt lẫn nhau, cho nên nay đời đời nối nhau vô cùng. Nhưng nay ý văn này tức là dùng sự hiển lý không trệ ngại.

b) Kế là y theo Viên để giải thích, ngay nơi sự là lý, kinh chỉ ra si, ái, trung gian năm quả là Phật tánh, bởi đối với báo pháp để hiển bày chánh nhân, cho nên dùng năm quả này tuy có xúc, thọ, nhưng chưa sinh ái, thủ.

Chính sắc tâm này hiển bày thể của chánh nhân, để thành diệu quán. Như Ma-ha chỉ quán, ban đầu quán ấm cảnh, ý kia cũng vậy. Hễ nói quán pháp thì ban đầu thường y theo dễ, chỗ dễ thì quán thành, không điều khó nào chẳng hiểu. Đại sư đặc ý, cho nên so sánh với hoặc nghiệp đều là Phật tánh, tức duyên liễu hai nhân tánh. Nêu lên ba dụ, vật tượng thế gian sánh với diệu lý đều là phần thí dụ, phải dùng pháp định mới nói lên Thiên Viên. Như kinh Như Lai tạng chín dụ, chỉ quán dụ Biệt, văn khác dụ Viên. Nay sông băng... cũng gồm viên biệt. Vì sao? Vì nếu nói kết nước cõi Phật, tức là băng chín cõi, dung thông với băng chín cõi quy về nước cõi Phật, ở đây vẫn thuộc về biệt. Nếu biết mười cõi đầy đủ lẫn nhau như nước, tình chấp mười giới hạn cuộc như băng, dung tình chấp băng thành đầy đủ nước lẫn nhau.

Đây là lý viên. Củi lửa, buộc mở các trường hợp ấy rất dễ hiểu, cho nên pháp mười hai duyên luân hồi nghĩa là thật thì ba chương xác thật như vậy. Tình hư thì ba đức viên dung. Đối với mười hai duyên chẳng tổn hao một chút nhỏ. Toàn là cảnh mầu tức hoặc nghiệp khổ, mỗi pháp thông suốt mé pháp giới rốt ráo, đó gọi ba đạo. Muốn hiển nghĩa ba viên dung này cho nên gọi là từ thắng lập, nên nói pháp thân Bát-nhã giải thoát, chỉ đổi tên, không đổi pháp thể, thật ra chỉ là đương thể thông suốt, ba là y theo thể đạt mà nêu đức đối dụ.

Hỏi đáp về ba thức:

Hỏi: Trước nói ba thức, thức thứ chín một tánh đối hai tu tám, bảy. Vì nói ly hợp cho nên giống như ba đức. Nay nói ba đạo, ba đều nghịch tu, làm sao nói đối với tu hai tánh một. Nghĩa này chẳng thành thì khác với các thứ ba hữu, hai hữu đâu phải pháp mà ba chữ ví dụ.

Đáp: Ngay sự là lý. Sự lý không khác, lại như trong sự hoặc khởi ra nghiệp, nghiệp hoặc đối với khổ, khổ lại khởi hoặc. Ba tu ác này tức là tánh ác, mới gọi tánh ba, cũng tức nhân pháp chuyển tên ba thức, ba Phật tánh, ba Bát-nhã, ba Bồ-đề, ba Đại thừa. Cũng tức quả pháp chuyển tên ba thân, ba Niết-bàn, cũng quả dụng chuyển gọi là ba ngôi báu, cũng bí tạng chuyển tên ba đức, cho nên biết mỗi mỗi chỉ chuyển tên không đổi pháp, cho nên môn không hai nói tánh chỉ ba chương là có đủ ba, tu từ tánh thành ba pháp. Nghĩa ấy đã như vậy, đâu nói ba đạo không có ly hợp.

Vì Kim Quang Minh thí dụ ở ba đạo, ý ấy sơ lược.

Kế là nêu lên dung thông, có ba, ban đầu khuyến giải thích pháp viên dung. Trên đến ba đức, dưới đến ba đạo, chẳng thêm chẳng bớt, không hai không khác ngay nơi khác là đồng. Mê giải trí hành nhân quả tự tha, cho đến đồng quy một chỗ, danh nghĩa chẳng xen lạn, người đồng là khác. Suốt ngày đồng, suốt ngày khác, dùng mười đồng dị để làm sơ môn. Từ môn nhập, thì đối với tất cả đồng khác vô ngại. Như gió bay đi giữa hư không, có khả năng đối với một pháp hiểu rõ tất cả pháp. Hoặc đồng hoặc khác hay đối với trăm pháp hiểu tất cả pháp, ngàn pháp, muôn pháp số nhiều như cát sông, đều hiểu tất cả. Hoặc đồng hoặc khác nên nói cũng vậy. Hai, dẫn các kinh viên chứng, một pháp môn, nêu một pháp nhiếp vô lượng pháp, cho nên nói quyền thuộc. Kia đây nhiếp pháp cũng giống như vậy. Kinh này nói: Đối với tất cả pháp bao gồm dung chứa tất cả pháp lấy đây ví dụ, tất cả các pháp đều ví dụ cho hoàn hương, như hạt châu tùy màu sắc. Đất có bốn vị, biểu dung chứa các sông. Hoặc đồng hoặc khác hợp pháp rất dễ hiểu.

c) Ba là lập ra hỏi đáp nói về lợi ích.

Hỏi: Ý ấy như ba đức trước, tôn trọng gọi là ba ngôi báu, bất sinh bất diệt gọi là ba Niết-bàn, cho đến thông đạt gọi là ba đạo. Đây đối với một pháp nói về tất cả pháp, đã tự đầy đủ, cần gì lại nói ba ngôi báu... chín pháp và tất cả pháp đều có công năng thu nhiếp tất cả pháp ư?

Đáp: Ý ấy thật ra một pháp đã đủ tất cả, không hề giảm thiểu, chỉ vì căn cơ người xưa huân tập khác nhau khiến cho đoạn chứng giá duyên khác nhau. Có nghe nói ba đức nhiếp tất cả pháp được bốn lợi ích, cho đến có nghe ba đạo thu nhiếp tất cả pháp được bốn lợi ích, cho nên phải nói khắp, làm lợi ích cho nhiều căn cơ. Một thuyết dưới đây nói về thuyết khắp, khiến cho một người kia sinh tất cả giải, căn tánh viên đốn nghe nói một pháp còn hiểu tất cả. Nếu nghe các pháp khéo hiểu càng sáng tỏ, rất dễ hiểu ý Phật. Phật là bậc Nhất thế trí, cho nên

nói trí giả. Lời thô lời tế, Đại kinh nói chư Phật thường nói lời mềm mỏng vì chúng sinh cho nên nói thô. Nói thô và nói mềm mỏng đều quy về Đệ-nhất-nghĩa. Nhưng thời nói thô, nói mềm mỏng bao gồm tất cả. Nay y theo mười pháp luân thì ba đường rất thô, trong tám tướng vọng ba đức rất mềm mỏng, đã y theo viên, mỗi pháp dung thông lẫn nhau, pháp pháp cao rộng, cho nên khiến người nghe nhập Đệ-nhất-nghĩa và không chống trái.

